

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 13197-1:2020**

**BS EN 13044-1:2011**

Xuất bản lần 1

**ĐƠN VỊ VẬN TẢI KẾT HỢP – GHI NHÃN –  
PHẦN 1: NHÃN ĐỂ NHẬN DẠNG**

*Intermodal Loading Units — Marking —*

*Part 1: Markings for identification*

HÀ NỘI – 2020

**Lời nói đầu**

TCVN 13197-1:2020 hoàn toàn tương đương BS EN 13044-1:2011

TCVN 13197-1:2020 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVNT/TC 51 *Palet dùng để vận chuyển hàng hóa, vật liệu bằng phương pháp tải đơn vị* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

## Đơn vị vận tải kết hợp – Ghi nhãn – Phần 1: Nhãn để nhận dạng

*Intermodal Loading Units — Marking —*

*Part 1: Markings for identification*

### 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này cung cấp một hệ thống để nhận dạng và trình bày thông tin về đơn vị vận tải kết hợp (ILU – Intermodal Loading Units). Hệ thống nhận dạng được dùng để áp dụng chung, ví dụ trong tài liệu, điều khiển và liên lạc (bao gồm cả hệ thống xử lý dữ liệu tự động), cũng như cho việc hiển thị trên một ILU và những container không chuẩn ISO khác (ví dụ kích thước và thông số thử nghiệm nào khác với các thông số được xác định bởi tiêu chuẩn ISO hiện hành) được sử dụng trong vận tải ở Châu Âu.

Các phương pháp trình bày nhận dạng và một số dữ liệu khác (bao gồm cả dữ liệu hoạt động) trên ILU, cũng bao gồm thông qua những ký mã hiệu thường xuyên.

Tiêu chuẩn này quy định:

- a) hệ thống nhận dạng ILU với một hệ thống liên quan để xác định tính chính xác của việc sử dụng hệ thống đó, có các ký hiệu bắt buộc để trình bày hệ thống nhận dạng phục vụ hoạt động giải thích trực quan;
- b) hệ thống mã hóa dữ liệu về kích thước và chủng loại ILU, với các ký hiệu tương ứng để hiển thị chúng ;
- c) các ký hiệu hoạt động bắt buộc;
- d) trình bày cơ học của các kí hiệu trên ILU.

Tiêu chuẩn này quy định một hệ thống để xác định chủ sở hữu của ILU, bao gồm một hệ thống liên quan cho việc xác minh sự chính xác của việc sử dụng nó.

## **TCVN 13197-1:2020**

Tiêu chuẩn này không bao gồm các ký mã hiệu hoạt động tạm thời dưới bất kỳ hình thức nào, ký mã hiệu thường xuyên, dữ liệu, ... những loại hình có thể được yêu cầu bởi các thỏa thuận liên chính phủ, luật pháp quốc gia hoặc các tổ chức phi chính phủ khác ngoài CEN.

LƯU Ý: Danh sách một số công ước quốc tế chính trong tiêu chuẩn châu Âu, mà các yêu cầu ký mã hiệu container không được bao hàm, bao gồm:

- Hiệp định quốc tế về công-te-nơ an toàn (UN / IMO 1992); Công ước CSC, trong đó có một số biển chứng nhận được cấp bởi các công-te-nơ có thể hoán đổi không được thiết kế cho vận tải hàng hải quốc tế, có thể sẽ phát triển trong tương lai gần theo cách mà lĩnh vực thi hành luật của nó sẽ bị hạn chế đối với trường hợp công-te-nơ dùng cho hàng hải với điều kiện chỉ BIC được ủy thác đăng ký mã chủ sở hữu (mã ISO Alpha và mã BIC) theo tiêu chuẩn EN ISO 6346;

- Hiệp định Hải quan về công-te-nơ năm 1956 và 1972;

- Hiệp định Hải quan về Vận chuyển hàng hóa quốc tế theo quy định giấy chứng nhận Vận tải đường bộ quốc tế (Công ước TIR) 1959 và 1975.

Không nên cho rằng danh sách này là đầy đủ.

Tiêu chuẩn này không bao hàm việc hiển thị dữ liệu kỹ thuật trên các thùng chứa rời (xem EN 1432) và nó cũng không bao gồm bất kỳ các dấu hiệu nhận biết hoặc dấu hiệu an toàn cho các mặt hàng có thể được vận chuyển trong ILU.

## **2 Tài liệu viện dẫn**

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 7623:2007 (ISO 6346 : 1995), *Công te nơ vận chuyển - Mã hóa, nhận dạng và ghi nhãn*

## **3 Thuật ngữ và định nghĩa**

Tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

### **3.1**

**Đơn vị vận tải kết hợp** (Intermodal Loading Unit)

**ILU**

Đơn vị vận tải phù hợp với việc vận chuyển kết hợp bằng đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và đường biển, đó đơn thuần không phải là một công-te-nơ theo tiêu chuẩn ISO 830

VÍ DỤ: Trong số các công-te-nơ có thể hoán đổi khác, sơ mi rơ moóc.

### **3.2**

**Mã chủ sở hữu (owner code)**

Mã bốn chữ cái cho biết chủ sở hữu hoặc đơn vị khai thác chính

**4. Hệ thống nhận dạng và các kí hiệu phân biệt liên quan****4.1 Hệ thống nhận dạng**

Hệ thống nhận dạng cho các công-te-nơ có thể hoán đổi và sơ mi rơ moóc chỉ bao gồm các yếu tố sau, tất cả đều phải bao gồm:

- mã chủ sở hữu: bốn chữ cái
- số sê-ri: sáu chữ số
- số kiểm tra: một chữ số

**4.2 Xác định chủ sở hữu**

**4.2.1** Việc xác định chủ sở hữu ILU sẽ được hoàn thiện bằng cách sử dụng mã chủ sở hữu. Việc nhận dạng chủ sở hữu phải là duy nhất và do đó tất cả các mã đều cần được đăng ký với *Liên minh quốc tế về kết hợp vận chuyển đường bộ và đường sắt (UIRR)*. Các mã chủ sở hữu được đăng ký sẽ được duy trì và kiểm tra bởi UIRR<sup>1</sup>.

**4.2.2** Mã chủ sở hữu cho ILU phải bao gồm bốn chữ cái in hoa trong đó chữ cái cuối cùng cũng xác định đơn vị là ILU và sẽ bao gồm một trong năm chữ cái viết hoa **A, B, D, E** hoặc **K**.

**4.2.3** Việc sử dụng mã chủ sở hữu này cho ILU có giới hạn là chỉ lưu hành ở khu vực Châu Âu.

**4.2.4** Các chữ cái sau là chữ cái thứ tư của mã chủ sở hữu được dành riêng cho việc sử dụng quốc tế trên toàn thế giới theo EN ISO 6346 và được chỉ định bởi BIC<sup>2</sup>:

- **U** cho tất cả các container chở hàng ;
- **J** đối với thiết bị liên quan đến công-te-nơ chở hàng có thể tháo rời ;
- **Z** cho rơ moóc và khung xe.

---

<sup>1</sup>) URR: Hiệp hội quốc tế các công ty vận chuyển kết hợp đường bộ và đường sắt ([www.URR.com](http://www.URR.com); Email: [headoffice.brussels@urr.com](mailto:headoffice.brussels@urr.com))

<sup>2</sup>) BIC: Tổ chức quốc tế về container và vận tải kết hợp ([www.bic-code.org](http://www.bic-code.org); Email: [bic@bic-code.org](mailto:bic@bic-code.org))

## **TCVN 13197-1:2020**

### **4.3 Số sê-ri**

Số sê-ri cho một công-te-nơ có thể hoán đổi phải bao gồm sáu chữ số Ả Rập. Nếu dãy các chữ số quan trọng không có đủ số 6 chữ số, thì phải dùng số 0 đặt trước dãy số cho đến khi đủ tổng 6 chữ số trong dãy.

Ví DỤ: Dãy các chữ số quan trọng là 1234, dãy số sê-ri là 001234.

### **4.4 Số kiểm tra**

Số kiểm tra cung cấp một công cụ xác nhận độ chính xác hoạt động truyền mã chủ sở hữu và số sê-ri và sẽ được xác định như trong Phụ lục A. Số kiểm tra sẽ xác nhận mã chủ sở hữu và số sê-ri của ILU.

## **5. Hiện thị vật lý của ký mã hiệu**

### **5.1 Kích thước và màu sắc của ký mã hiệu**

Các chữ cái và chữ số của mã chủ sở hữu, số sê-ri và số kiểm tra không được cao dưới 100 mm. Tất cả các ký tự phải có chiều cao và chiều rộng tương ứng. Chúng phải bền và có màu tương phản với màu của ILU.

### **5.2 Bố cục và vị trí của các ký mã hiệu**

#### **5.2.1 Yêu cầu chung**

Các yêu cầu của điều khoản này được áp dụng đặc biệt cho loại ILU "hộp kín". Đối với các loại ILU khác, cần thực hiện tất cả các bước có thể để tuân theo cách bố trí và vị trí đánh dấu cho loại "hộp kín".

CHÚ THÍCH: Nếu không thể tuân theo các yêu cầu của điều này, có thể sử dụng các yêu cầu từ EN ISO 6346.

#### **5.2.2 Cách bố trí ký mã hiệu**

Vị trí của mã chủ sở hữu, số sê-ri và số kiểm tra trên ILU sẽ được trình bày trên một dòng ngang duy nhất. Khi các đặc điểm cấu trúc của ILU quy định khác, cách bố trí có thể khác với kiểu hàng ngang.

Mã chủ sở hữu sẽ được nối liền với nhau và sẽ được phân tách với số sê-ri ít nhất một dấu cách. Số sê-ri cũng phải được ngăn cách với số kiểm tra bằng một khoảng trắng ký tự và số kiểm tra sẽ được hiển thị trong một hộp.

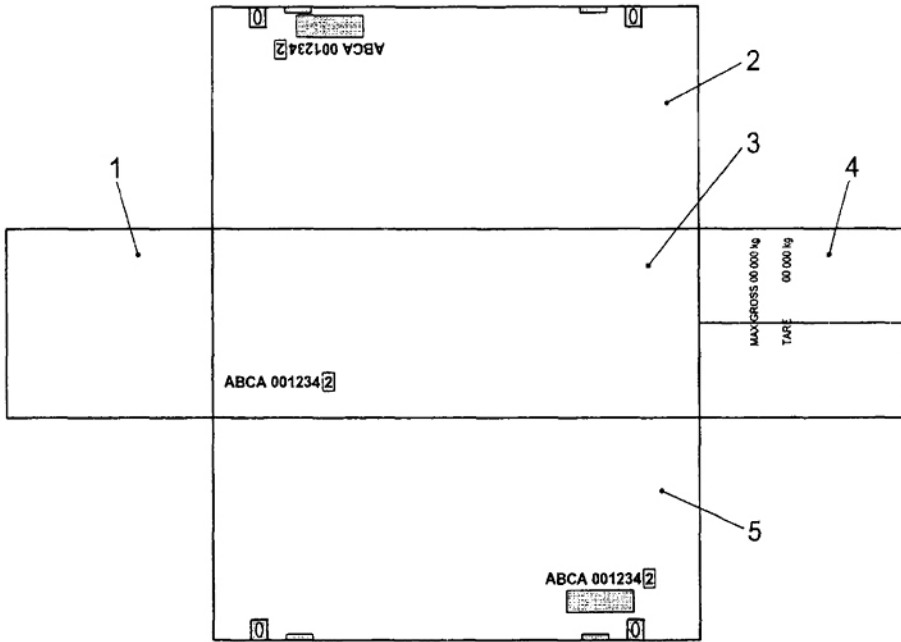
Một ILU, có mã nhận dạng đã đăng ký duy nhất của chủ sở hữu là "ABCA" và số sê-ri "001234" và số kiểm tra "2" sẽ được đánh dấu như trong Hình 1:

**ABCA 001234 [2]**

**Hình 1 - Bố trí các ký mã hiệu**

#### **5.2.3 Vị trí của các ký mã hiệu**

Các dấu hiệu nhận biết bắt buộc của Điều 4, là mã chủ sở hữu, số kiểm tra, số sê-ri, sẽ được đặt trên ILU càng xa càng tốt như thể hiện trong Hình 2. Nó phải có ít nhất ở cả hai mặt giáp nhau và trên nắp mái. Tùy trường hợp, các kí hiệu phân biệt có thể được trình bày ở tường phía trước và phía sau.



**Chìa khóa**

- 1 cạnh cuối
- 2 cạnh bên phải
- 3 mái
- 4 cạnh phía sau (lắp dẫy)
- 5 cạnh bên trái

Hình 2 - Vị trí ký mã hiệu

## Phụ lục A

(tham khảo)

## Xác định số kiểm tra

## A.1 Yêu cầu chung

Số kiểm tra của hệ thống nhận dạng ILU được xác định bằng cách thực hiện theo quy trình từ A.1 đến A.5. Một phép tính ví dụ được trình bày trong A.6.

## A.2 Các số tương đương của mã chủ sở hữu ILU và số sê-ri

Mỗi chữ cái của mã chủ sở hữu và mỗi chữ số của số sê-ri phải được định rõ vị trí liên tiếp một giá trị số phù hợp với Bảng A.1.

## A.3 Trọng số

Mỗi chữ số tương đương, được xác định theo Bảng A.2, sẽ được nhân với trọng số trong khoảng từ  $2^0$  đến  $2^9$ . Hệ số trọng số  $2^0$  được áp dụng cho chữ cái đầu tiên của mã chủ sở hữu, và sau đó theo hệ lũy thừa tăng dần của 2, tăng lên  $2^9$  cho chữ số cuối cùng của số sê-ri.

## A.4 Mô-đun

Tổng các sản phẩm thu được theo A.3 sẽ được chia cho một mô-đun của giá trị là mười một.

Bảng A.1 - Các giá trị tương đương

Mã chủ sở hữu				Số sê-ri
Chữ cái	Giá trị tương đương	Chữ cái	Giá trị tương đương	Giá trị số hoặc tương đương
A	10	N	25	0
B	12	O	26	1
C	13	P	27	2
D	14	Q	28	3
E	15	R	29	4
F	16	S	30	5
G	17	T	31	6
H	18	U	32	7
I	19	V	34	8
J	20	w	35	9
K	21	X	36	
L	23	Y	37	
M	24	z	38	

CHÚ THÍCH: Các giá trị tương đương 11, 22 và 33 được bỏ qua vì chúng là bội số của mô-đun (xem A.3).

Mã Sê-ri và giá trị tương đương của nó giống hệt nhau.



### A.5 Giá trị của số kiểm tra

Bảng A.2 chỉ ra giá trị chữ số kiểm tra tương ứng với giá trị còn lại của phép chia được thực hiện theo A.4.

**Bảng A.2 - Kiểm tra giá trị chữ số**

Phần còn lại	Số kiểm tra
10	0
9	9
8	8
7	7
6	6
5	5
4	4
3	3
2	2
1	1
0	0

CHÚ THÍCH: Trong trường hợp cần thiết để tránh sự trùng lặp do giá trị 0 được gán là phần dư của cả 10 và 0, thì không nên sử dụng các số sê-ri dẫn đến phần dư của 10.

### A.6 Ví dụ tính toán số kiểm tra

Giai đoạn

Tính toán

I Nhận dạng chủ sở hữu

Số sê-ri

A	B	C	A	0	0	1	2	3	4
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

II Các yếu tố tương đương

10	12	13	10	0	0	1	2	3	4
----	----	----	----	---	---	---	---	---	---

III Các yếu tố trọng số

1	2	4	số 8	16	32	64	128	256	512
---	---	---	------	----	----	----	-----	-----	-----

IV Tích của các cột trong dòng II và III

10	24	52	80	0	0	64	256	768	2048
----	----	----	----	---	---	----	-----	-----	------

Tổng của tất cả các sản phẩm ở dòng IV = 3302.

Tổng chia cho môđun 11:  $3302/11 = 300 + 2/11$ .

Điều đó có nghĩa là: 3302 giá trị tuyệt đối 11 = 2.

Phần còn lại là "2" và bằng cách tham khảo Bảng A.2, ta thấy rằng số kiểm tra trong trường hợp này là 2.

**Thư mục tài liệu tham khảo**

[1] UIC 596-6, Conveyance of road vehicles on wagons - Technical organisation - Conditions for coding combined-transport load units and combined-transport lines (*Hoạt động vận chuyển của phương tiện giao thông đường bộ trên toa xe - Tổ chức kỹ thuật - Điều kiện mã hóa đơn vị tải trọng tải kết hợp và đường vận tải kết hợp*).

---